

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, Thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-BNN-KTHT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 89/TTr-SNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Quyết định này bãi bỏ các thủ tục hành chính số 3, 4, 5 Mục XXV. Lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Quyết định này bãi bỏ các thủ tục hành chính số 113, 114, 115 Mục XIX, Phụ lục 1. Danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang tại Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: 28 ngày làm việc b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 13 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không quy định	Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	8 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không quy định	Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	28 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không quy định	Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	8 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không quy định	Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHẦN 2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN				
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	18 ngày làm việc	UBND cấp huyện	700.000 đồng	Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	18 ngày làm việc	UBND cấp huyện	700.000 đồng	Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	5 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang
4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	13 ngày làm việc	UBND cấp huyện	30.000 đồng/lần/người	Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	1.003274.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí kinh tế trang trại; Quyết định số 1025/QĐ-BNN-KTHT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	1.001676.000.00.00.H01	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1025/QĐ-BNN-KTHT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	2.001350.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1025/QĐ-BNN-KTHT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.